Đặc tả yêu cầu

Quan Ly Nha Sach

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

<MSSV1 – Họ và tên sinh viên>

[<MSSV2 – Họ và tên sinh viên>]

[<MSSV3 – Họ và tên sinh viên>]

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| <104/1017> | <1.0> | Phát biểu bài toán | Nguyễn Nhật |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

# Giới thiệu

## Mục tiêu

*[Trình bày nhu cầu thực tế của đề tài:*

* + *Vấn đề mà đề tài muốn giải quyết*
  + *Những hạn chế hay những vấn đề còn tồn tại trong các phần mềm cùng loại hiện đang có, hoặc hệ thống Tin học, hoặc hệ thống phi Tin học đang được sử dụng]*

## Giới hạn

*[Trình bày giới hạn vấn đề đề tài giải quyết – giới hạn nội dung của tài liệu]*

## Thuật ngữ và từ viết tắt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thuật ngữ** | **Mô tả** |
|  | *<stakeholder>* |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

# Phát biểu bài toán

## Chức năng

*Phần mềm bao gồm các chức năng sau :*

1. Lập phiếu nhập sách.
2. Lập phiếu bán sách.
3. Tra cứu sách.
4. Lập phiếu thu tiền.
5. Lập báo cáo tháng.
6. Thay đổi quy đinh.

## Danh sách các Stakeholder & các loại người dùng

*[Danh sách các stakeholder (người có ảnh hưởng đến sự phát triển) của phần mềm]*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Stakeholder** | **Mô tả** |
|  | Ban giám đốc | Đặt ra,thay đổi các yêu cầu và các quy định |
|  | Đội ngủ lập trình |  |
|  | Người dùng |  |

*[Danh sách các người dùng của hệ thống phần mềm]*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp người dùng** | **Mô tả** |
|  | *Nhân viên bán sách* | …………………………………………… |
|  | Người mua sách |  |
|  |  |  |

## Môi trường hoạt động

*[Giới hạn môi trường hoạt động mà hệ thống hỗ trợ. Ví dụ: client: Web browser hỗ trợ HTML5, server: Apache… ]//Sơn rành làm dùm phần này*

## Các ràng buộc thiết kế và triển khai

*[Các yêu cầu ràng buộc về thiết kế, cài đặt và triển khai. Ví dụ: ngôn ngữ lập trình Java, cơ sở dữ liệu Oracle, chuẩn tài liệu…]*

## Các giả định và phụ thuộc

# Yêu cầu phần mềm

## Đặc tả yêu cầu chức năng

*[Mô tả các yêu cầu chức năng của hệ thống bằng ngôn ngữ tự nhiên. Có thể sử dụng kết hợp các biểu mẫu, quy định.* ***Đánh số và phân nhóm các yêu cầu****]*

*1.Lập danh sách khách hàng thành viên*

*Khi có khách hàng muốn đăng ký thành viên.Nhân viên đăng ký thành viên cho khách hàng bằng cách yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin như :Họ tên ,chứng minh thư, số điện thoại và địa chỉ.Sau khi đăng ký xong khách hàng sẽ nhận được 1 thẻ thành viên chứa các thông tin của mình.*

**2 Lập phiếu sách**

*Khi nhà sách nhập sách mới về thì nhân viên quản lý sẽ lập phiếu nhập sách để ghi các thông tin như ngày nhập sách, tên sách ,thể loại tác giả , số lượng .Nếu là sách mới chưa có ỏ nhà sách nhân viên phải điền thông tin sách mới vào danh sách sách rồi mới điền thông tin sách đó vào phiếu nhập sách Số lượng nhập tối thiểu của mỗi đầu sách là 150 và chỉ nhập sách có số lượng tồn nhỏ hơn 300.*

*Biểu mẫu*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BM1: | | Phiếu Nhập Sách | | | |
| Ngày nhập: | | | | | |
| STT | Sách | | Thể loại | Tác giả | Số lượng |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |

QĐ1: Số lượng nhập ít nhất lá 150. Chỉ nhập các đầu sách có lượng tồn ít hơn 300.

**3.Lập hóa đơn bán sách**

*Khi có khách háng mua sách nhân viên sẽ lập hóa đơn bán sách bao gồm các thông tin :Họ tên khách hàng ,ngày lập hóa đơn,mã sách, tên sách, thể loại , số lượng và đơn giá .Chỉ được bán những sách có số lượng tồn sau khi bán lớn hơn 20.Nếu khách hàng là thành viên , sách chỉ được bán cho khách hàng nợ không quá 20.000.*

*Biểu mẫu*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BM2: | | Hóa Đơn Bán Sách | | | | |
| Họ tên khách hàng: | | | | Ngày lập hóa đơn: | | |
| STT | Sách | | Thể loại | | Số lượng | Đơn giá |
| 1 |  | |  | |  |  |
| 2 |  | |  | |  |  |

*Quy định* 2: Chỉ bán cho các khách hàng nợ không quá 20.000 và đầu sách có lượng tồn sau khi bán ít nhất là 20.

*4 Lập danh sách sách.*

*Danh sách sách chứa tât cả các thông tin của các loại sách có trong cửa hàng khi có một đầu sách mới nhập về nhân viên sẽ thêm thông tin sách mới vào danh sách sách bao gồm mã sách , tên sách , thể loại ,tác giả và số lượng khi có một sách không phát hành nửa nhân viên sẽ xóa thông tin sách đó khỏi danh sách sách.*

*Biểu mẫu*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BM3: | | Danh Sách Sách | | | |
| STT | Tên Sách | | Thể Loại | Tác Giả | Số Lượng |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |

*5.Tra cứu sách*

*Khi cần biết thông tin về một sách nào đó nhân viên sẽ tra cứu thông tin sách , các thông tin bao gồm tra cứu theo mã sách , tên sách, số lượng , tác giả , thể loại .*

*6 Lập phiếu thu tiền*

*Sau khi lập hóa đơn bán sách cho khách hàng nhân viên sẽ lập phiếu thu tiền cho hóa đơn bán sách đó , phiếu thu tiền gồm các thông tin như họ tên khách hàng ,địachỉ, điện thoạ , email,ngày thu tiền và số tiền thu .Nhưng số tiền thu không được vượt quá số tiền khách hàng đang nợ*

*7 Lập báo cáo tháng*

*Mỗi tháng nhân viên sẽ lập báo cáo lên cho quản lý bao gồm báo cáo tồn và báo cáo công nợ .Các thông tin báo cáo tồn bao gồmmã sách, tên sách , số lượng tồn đầu , số lượng phát sinh , tồn cuối.Các thông tin báo cáo công nợ gồm mã khách hàng , tên khách hàng,nợ đầu , phát sinh , nợ cuối*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BM5.1: | | Báo Cáo Tồn | | | |
| Tháng: | | | | | |
| STT | Sách | | Tồn Đầu | Phát Sinh | Tồn Cuối |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BM5.2: | | Báo Cáo Công Nợ | | | |
| Tháng: | | | | | |
| STT | Khách Hàng | | Nợ Đầu | Phát Sinh | Nợ Cuối |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |

*7 Thay đổi quy định .*

*Khi cần ban giám đốc cũng có thể thay đổi các quy đinh bao gồm*

QĐ6: Người dùng có thể thay đổi các qui định như sau :

+ QĐ1 : Thay đổi số lượng nhập tối thiểu, lượng tồn tối thiểu trước khi nhập.

+ QĐ2 : Thay đổi tiền nợ tối đa, lượng tồn tối thiểu sau khi bán .

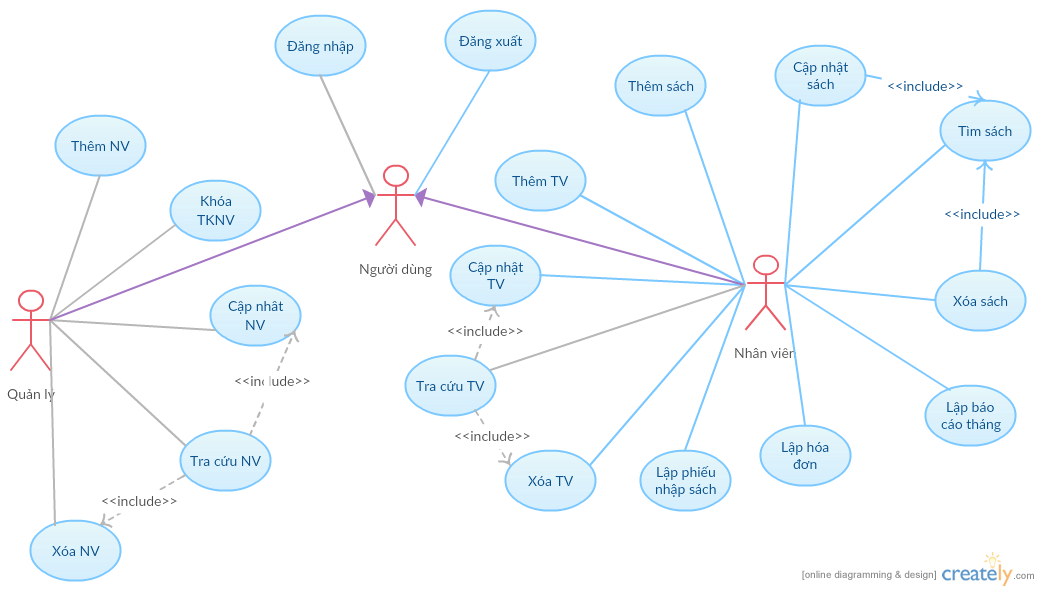
+ QĐ4 : Sử dụng hay không sử dụng qui định này.

## Đặc tả yêu cầu phi chức năng

*[Mô tả các yêu cầu phi chức năng của hệ thống bằng ngôn ngữ tự nhiên]*

## Use Case

### Sơ đồ Use Case

**

### Danh sách các Use Case

*[Mô tả tóm tắt các use case.* ***Đánh mã số các use case****]*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã** | **Tên use case** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| *1* | *Đăng nhập* | Đăng nhập vào hệ thống với các quyền khác nhau |
| 2 | Đăng xuất | Đăng xuất khỏi hệ thống |
| 3 | Thêm nhân viên |  |
| 4 | Khóa TKNV |  |
| 5 | Cập nhật NV |  |
| 6 | Tra cứu NV |  |
| 7 | Xóa NV |  |
| 8 | Thêm TV |  |
| 9 | Cập nhật TV |  |
| 10 | Tra cứu TV |  |
| 11 | Xóa TV |  |
| 12 | Lập phiếu nhập sách |  |
| 13 | Lập hóa đơn |  |
| 14 | Lập phiếu thu |  |
| 15 | Thêm sách |  |
| 16 | Cập nhật sách |  |
| 17 | Tìm sách |  |
| 18 | Xóa sách |  |
| 19 | Lập báo cáo tháng |  |
| 20 |  |  |

### Danh sách các tác nhân (actor)

*[Danh sách các tác nhân và các use case liên quan.* ***Đánh số các tác nhân và use case****]*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã** | **Tác nhân** | **Mã Use case** |
| *A1* | *Quản lý* | 1,2,3,4,5,6,7 |
| A2 | Nhân viên | 1,2,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19 |
|  |  |  |

### 

### Đặc tả Use Case

*[Đặc tả chi tiết các use case]*

#### Use case <mã, tên use case>

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **UCID-1** |
| *Tên* |  |
| *Tóm tắt* |  |
| *Dòng sự kiện chính* | *[Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính. Đánh số thứ tự các bước]* |
| *Các dòng sự kiện khác* | *[Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”]* |
| *Điều kiện tiên quyết* | *[Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)]* |
| *Các yêu cầu đặc biệt* | *[Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).]* |